

Số: 29 /NQ-HĐND

Vĩnh Thuận, ngày 20 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về danh mục công trình giao thông nông thôn năm 2019
do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP, ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2004/QĐ-UBND, ngày 22/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt danh mục công trình giao thông nông thôn từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi và nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND, ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận về danh mục công trình giao thông nông thôn năm 2019 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua danh mục công trình giao thông nông thôn năm 2019 do UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý theo nội dung Tờ trình số 151/TTr-UBND, ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận. Cụ thể như sau:

I. Tổng số đầu tư 20 công trình, với kế hoạch vốn năm 2019 là: 20 tỷ đồng.

Trong đó:

1. Nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP: 13 tỷ đồng.

2. Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 7 tỷ đồng.

(phụ lục danh mục chi tiết kèm theo)

II. Thời gian thực hiện: Trong năm 2019.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban KTXH của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thuận Khóa X, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 14/12/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- Thường trực HĐND-UBND;
- UBND TTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Website Vĩnh Thuận;
- HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, Inđa.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Toàn



DANH MỤC CÔNG TRÌNH GTNT NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Vinh Thuận)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã bố trí từ khởi công	Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
					Tổng số	Cân đối NSDP	Nguồn vốn theo nghị định 35/NĐ-CP	
1	2	5	8	9	10	11	12	16
	Tổng cộng		57.286	15.800	20.000	7.000	13.000	
I	Công trình chuyển tiếp		28.808	15.800	10.850	7.000	3.850	
1	Nâng cấp mở rộng đường Mười Thước	1423;5/4/2018	5.944	2.800	2.750	2.750		
2	Đường kênh Xáng giữa	1399;2/4/2018	3.888	1.800	1.830	925	905	
3	Đường kênh Ranh Hạt (giai đoạn 1)	1398;2/4/2018	1.754	1.000	650	650		
4	Đường kênh Tám Nhiều-kênh Phú Nhứt-Bờ Lờ	3544; 31/10/2017	6.051	4.500	1.100	1.100		
5	Đường kênh 9 Bờ trái (Đoạn 1)	1396;2/4/2018	3.442	1.700	1.575	1.575		
6	Đường kênh 14 từ 5000 đến 8000	1424;5/4/214	3.450	1.700	1.200		1.200	
7	Nâng cấp mở rộng đường kênh 9 về Ranh Hạt		350		320		320	Khu di tích Ranh Hạt
8	Cầu tổ 5	4067;29/12/2017	675	600	75		75	
9	Đường kênh 2 từ vàm-4000 (bờ trái)	1395;2/4/2018	3.254	1.700	1.350		1.350	
II	Công trình bố trí mới		28.478	-	9.150	-	9.150	
A	Xã Vinh Bình Bắc		2.714	-	1.400	-	1.400	
1	Đường Lộ Mới		680		400		400	
2	Đường Vành Đai (Đoạn 1)		2.034		1.000		1.000	
B	Xã Vinh Phong		7.513	-	2.000	-	2.000	
3	Đường Rạch Đình (Đoạn 2)		3.600		1.000		1.000	
4	Đường kênh Bà Bang		3.913		1.000		1.000	
C	Thị trấn Vinh Thuận		2.915	-	1.000	-	1.000	
5	Đường Lò Bún		2.915		1.000		1.000	
D	Vinh Bình Nam		3.500	-	1.000	-	1.000	
6	Đường ven sông cái lớn ấp Hòa Thành		3.500		1.000		1.000	
E	Vinh Thuận		4.021	-	1.000	-	1.000	
7	Đường kênh 13 (Vàm-4000) bờ trái		4.021		1.000		1.000	
F	Tân Thuận		3.770	-	1.250	-	1.250	
8	Cầu 4000 kênh Lò Rèn		850		250		250	
9	Đường kênh Làng thứ Bảy		2.920		1.000		1.000	
H	Xã Phong Đông		4.045	-	1.500	-	1.500	
10	Mở rộng đường Cái Nhum		3.545		1.000		1.000	
11	Đường Cái Tranh (đoạn ngập)		500		500		500	